Số.....

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉnh)
1	2	3	4	5
421 (428)	176.722 TS: 430 b	1575786 có 2 chữ bị cấp 428	Lê thành Long	16-11-1961 Bình Thạnh - TP. HCM
			Cấp đợt II	
422	009.228	04/1/88	Trần thị Tuyên	03-02-1965 Cẩm Duệ - Cẩm Xuyên - Nghệ Tĩnh
423	009.229	05/1/88	Lưu thị Nhung	04-03-1962 Thanh Chương - Nghệ Tĩnh
~~424~~	~~009.230~~	05/01/88	Nguyễn Huệ Trí (thi bằng) (có lưu bằng thi)	14-10-1949 TP. Cần Thơ / Hậu giang
425	009.231	05/01/88	Trần minh Kiệt	01-01-1963 TX Tân an - Long an

Số .....

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
Một 1N	Thủy Nông	PTCS		Trung Bình	26/TCCB 08-01-1980	[signature] Lê thái bưng	X
Bảy 7K	Kế toán Thống Kê	PTCS		Trung Bình	349/TCCB 19-07-86		X Sở Thời Nghệ Tỉnh
Năm 5N	Thủy Nông	PTTH		Trung Bình	430/TCCB 18-08-84		X Sở Thời Tây Ninh
~~Ba 3N~~	~~Thủy Nông~~	~~PTTH~~		~~Trung Bình~~	~~1123/TCCB~~ 20-10-80		
Sáu 6T	Trắc Đoạ	PTCS		Trung Bình	367/TCCB 14-06-85	[signature]	X Sở Thời Tgoang

Số.....

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉnh)
1	2	3	4	5
426	009.232	05-01-88	Nguyễn Châu Tuấn	28-02-1961 Gò công Đông - Tiền giang
427	009-233	5-01-88	Nguyễn Huế	20-12-1956 TP Huế - Bình Trị Thiên
428	009.234	5/1/88	Nguyễn ngọc Linh	20-03-1959 TP Mỹ Tho - Tiền giang
429	009.235	5/1/88 (Đã cấp 176.537)	~~Lê Hữu Tài~~	02-05-1961
429	009.235.	5/1/88	Huỳnh văn Chánh Tâm	11-04-1959 TP. Mỹ Tho. Tiền giang

Số .....

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
Năm 5C2	TKế Thi công	PTCS		Trung Bình	56/TCCB 16-02-84	X	sở Thời Tgiang
Sáu 6N	Thủy Nông	PTCS		Khá	367/TCCB 14-06-85	X [signature] Trần văn Lợi TC-K2	sở Thời Đồng Tháp
Hai 2N	Thủy Nông	PTTH		Khá	1375/TCCB 23-10-79	X [signature] phạm Đức Huyền 7/3/1990.	11H
Hai 2C1	TKế Thi công	PTTH		Khá	1375/TCCB 23-10-79	X [signature]	

Số .....

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉnh)
1	2	3	4	5
430	009. 236	5/1/88	Nguyễn thị xuân Dung	11 - 01 - 1958 Tân Sơn - Nghĩa Bình
431	009. 237	5/1/88	Nguyễn thị Lành	06 - 07 - 1959 TX Sa Đéc - Đồng Tháp
432	009. 238	5/1/88	Hà Phú Trí	22 - 06 - 1963 Hải Châu - Đà Nẵng
433	009. 239	5/1/88	Phan Thanh Nhờn	18 - 02 - 1961 Thốt Nốt - Hậu Giang
434	009. 240	5/1/88	Trần ngọc Chiểu	10 - 10 - 1962 Tam Bình - Cửu Long

Số ....

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
Hai 2C1	TKế thi công	PTTH		Trung Bình	412 /TCCB 02/10/81	X	
Ba 3N1	Thủy Nông	PTTH		Trung Bình	1123/ TCCB 20-10-80	X [signature]	sở Tỉnh Đồng Tháp
Sáu 6C1	TKế Thi Công	PTTH		Trung Bình	430 /TCCB 18-8-84	X [signature] Trần Đăng Thanh Lãnh giùm (Trạm thủy nông phụng hiệp)	sở Tỉnh Hậu giang
Sáu 6C1	TKế thi Công	PTTH		Trung Bình	430 /TCCB 18-8-84	X [signature] 30/10/90	sở Tỉnh Hậu giang
Năm 5C2	TKế Thi Công	PTCS		Trung Bình	367/TCCB 14-06-85	X [signature] (Đào anh Tuấn TCK. 3)	sở Tỉnh Cửu long

Số.....

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉnh)
1	2	3	4	5
~~435~~	~~009.241~~	~~5/1/88~~	~~Lê minh Mẫn~~ (Hủy bằng) (Cô lưu bằng hủy)	~~02-05-1964~~ Vàm cỏ. Long an
435	009.242	5/1/88	Phạm Tuấn Kiệt	27-01-1962 Tx Tân an - Long an
436	009.243	5/1/88	Lê minh Mẫn	02-05-1964 Vàm cỏ. Long an
437	009.244	5/1/88	Phan Tú Trăng	15-12-1962 Chợ Lách. Bến Tre
438	009.245	5/1/88	Nguyễn Hậu	10-06-1964 TP Huế. Bình Trị Thiên

Số.....

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
~~Sáu~~ 6C2	~~TKTC~~	~~PTCS~~		~~Trung Bình~~	~~367/TCCB. 14-06-85~~		
Sáu 6C2	TKTC	PTCS		Khá	367/TCCB 14-06-85	X	Sở TLĐ Long an
Sáu 6C2	TKTC	PTCS		Trung Bình	367/TCCB 14-06-85	X	Sở TLĐ Long an
Năm 5C1	TKTC	PTTH		giỏi	318/TCCB 01-07-1983	Vranl X	Sở TLĐ Đồng Tháp
Sáu 6T	Trắc Địa	PTCS		Giỏi	367/TCCB 14-06-85	X	Sở TLĐ Hậu giang

Số .....

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉnh)
1	2	3	4	5
439	009. 246	571/88	Nguyễn văn Tuấn	02 - 07 - 63 gò công Đông - Tiền giang
440	009. 247	571/88	Lâm phước Thọ	20 - 10 - 64 Mỹ Tú - Hậu Giang
441	009. 248	571/88	Trịnh Hữu Phước	16 - 11 - 64 Chợ gạo - Tiền giang
442	009. 249	571/88	Lâm Sáng	1957 Cai Lậy - Tiền giang
443	009. 250	571/88	Nguyễn Quốc Vinh	21 - 07 - 61 Thủ Đức - TP. HCM
444	009. 251	571/88	Tôn Thanh Nghĩa	06 - 08 - 58 Tiền Phước - QN ĐN

Số .....

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
Năm 5C2	T. Kế Thi công	PTCS		Trung Bình	561/TCCB 16-02-84	X	Sở Tlợi Tiền Giang
Sáu 6C2	TKế Thi công	PTCS		Khá	367/TCCB 14-06-85	X	Sở Tlợi Hậu Giang
Sáu 6C2	TKế T. Công	PTCS		TBình	367/TCCB 14-06-85	X [signature]	Sở Tlợi Tiền Giang
Hai 2N	Thủy Nông	PTTH		TBình	1375/TCCB 23-10-79	X [signature]	Sở Thủy Lợi Kiên Giang
Sáu 6C2	T. Kế T Công	PTCS		Khá	367/TCCB 14-06-85	X (5,00đ)	[signature]
Một 1C1	TKế T. Công	PTTH		TBình	629/TCCB 24-05-79	X (5,00đ)	[signature]

Số.....

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉnh)
1	2	3	4	5
445	009. 252	571/88	Nguyễn văn Nghiệp	1965 Châu Thành - Bến Tre
446	009. 253	571/88	Nguyễn thị Thanh (Lấy bằng 31/3/94).	11 - 09 - 66 Chương Mỹ - Hà Sơn Bình
447	009. 254	571/88	Nguyễn thị Lý	25 - 10 - 56 TP. HCM
448	009. 255	571/88	Lương văn Hội	05 - 09 - 63 Tam Thanh - Vĩnh Phú
449	009. 256	571/88	Hồ Chí An	12 - 02 - 60 TX. Tân an - Long an
450	009. 257	571/88	Vũ Duy Thủy	08 - 09 - 61 Hóc Môn - TP. HCM

Số .....

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
Sáu 6T	Trắc Địa	PTCS		TBình	367 / TCCB 14-06-85	[signature]	
Sáu 6N	Thủy Nông	PTCS		TBình	367 / TCCB 14-06-85	em Dũng Ng văn Dũng	(Chí Thành cấp) em ruột Chị thành.
Nội	T. Kế T. Công	PTTH		TBình	629 / TCCB 24-05-79	KT [signature]	(anh Hoà)
Sáu 6C1	T Kế T. Công	PTTH		TBình	430 / TCCB 18-8-84	KT [signature]	(anh Hoà)
Sáu 6C2	T. Kế T. Công	PTCS		Khá	367 / TCCB 14-06-85	KT [signature]	Đặng bá Quang
Ba 3D	Địa Chất	PTCS		TBình	412 / TCCB 02-10-81		

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉnh)
1	2	3	4	5
451	009. 258	5/1/88	Đặng Thanh Sơn	1956 TX Cà mau. Minh Hải
452	009. 259	5/1/88	Hồ Tấn Tường	04 - 07 - 64 Hóc môn. TP HCM
453	009. 260	5/1/88	Bùi Hữu Phan	07 - 01 - 59 Châu Thành. Hậu giang
454	009. 261	5/1/88	Lê phi Long	12 - 02 - 59 TX Bạc Liêu - Minh Hải
455	009 262	5/1/88	Nguyễn văn Quận	1964 Chợ gạo. Tiền giang

Số.....

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
5N Năm	T.Thuỷ Nông	PTTH		TBình	3187/TCCB 01-07-83	Đã ký	Đào Xuân Doãn
Sáu 6C2	T.Kế T.Công	PTCS		Khá	367/TCCB 14-06-85	Mượn	Hồ Tấn Bằng
Sáu 6N	PT.Thuỷ Nông	PTCS		T.Bình	367/TCCB 14-06-85		
Hai 2T	Trải Ata	PTCS		T.Bình	11231/TCCB 20-10-80		
Sáu 6C2	T.Kế T.Công	PTCS		TBình	367/TCCB 14-06-85		

Số .....

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉnh)
1	2	3	4	5
456	009.263	571/88	Lê văn Điệp	20 - 06 - 58 Chợ gạo - Tiền giang
457	009.264	571/88	Trần tấn Cải	25 - 09 - 61 Châu Thành - Tiền giang
458	009.265	571/88	Nguyễn thị Hồng	31 - 03 - 64 TP. Mỹ Tho - Tiền giang
459	009.266	571/88	Nguyễn (Thị) Kim Loan	18 - 07 - 64 TP. Mỹ Tho - Tiền giang
460	009.267	571/88	Nguyễn văn Thuần	03 - 06 - 60 Nam Ninh - Hà nam Ninh

Số .....

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
Một 1C2	T.Kế Thi công	PTTH		T. Bình	629/TCCB 24-05-79		
Ba 3C2	TKế T. Công	P.TCS		T. Bình	412/TCCB 02-10-81		
Bốn 4N	T.Kế Nông	PTCS		T. Bình	318 TCCB 01-07-83		
Bốn 4C2	T.Kế T.Công	PTCS		T. Bình	~~672~~ TCCB 09-10-82 (672/TCCB)		Đã sửa số 411 !
Năm 5C2	T.Kế T. Công	PTCS		T. Bình	56/TCCB 16-02-84		

Số.....

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉnh)
1	2	3	4	5
461	009.268	5/1/88	Nguyễn Hữu Dũng	03-08-61 TP. HCM
462	009.269	5/1/88	Phạm Văn Lang	29-09-63 Q5 - TP. HCM
463	~~009.270~~	5/1/88	~~Nguyễn Văn Dũng~~ (Huỷ)	06-09-58 Đồng Nai
464	009.271	5/1/88	Phan Công Bằng	08.08-1962 TX. Cà Mau. Minh Hải
465	009.272	5/1/88	Nguyễn Văn Phương	17-06-63 Chương Mỹ - Hà Sơn Bình

Số.....

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
Năm 5C2	T.Kế T.Công	PTCS		T.Bình	56/TCCB 16-02-84		
Bốn 4T	Tài Đức	PTCS		T.Bình	672/TCCB 09-10-82		
Mốt 1C1	TKế T.Công	PTTH		T.Bình	629/TCCB 24-05-79		
Năm SN	Thuỷ Nông	PTTH		T.Bình	3187/TCCB 09-07-83	Trần Thanh Liêm	
Năm 5C2	T.Kế T.Công	PTCS		T.Bình	56/TCCB 16-02-84	KT	(cách Hoà)

Số .....

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉnh)
1	2	3	4	5
466	009.273	5/1/88	Nguyễn mạnh Hùng	17 - 11 - 56 TP. Biên Hòa - Đồng Nai
467	009.274	5/1/88	Nguyễn thị Sang	12 - 11 - 56 Bình Thạnh - TP. HCM
468	009.275	5/1/88	Nguyễn Đình Chuyên	09 - 02 - 62 TP. HCM
469	009.276	5/1/88	Trần văn Tường	1963 Cai Lậy - Tiền Giang
~~470~~	~~009.277~~	~~5/1/88~~	~~Nguyễn văn Em~~ Huỷ - đã cấp số TT 61 số bằng 176353 đầu môn 1 (không thấy lưu)	~~08 - 03 - 1957~~ Chợ mới - An Giang

Số .....

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
Hai 2N	Thủy Nông	PTTH		T.Bình	1375/TCCB 23-10-79	X [signature]	
2C1 Hai	T.Kế T.Công	PTTH		T.Bình	1375/TCCB 23-10-79	X [signature]	
Bốn 4C2	T.Kế T.Công	PTCS		T.Bình	672/TCCB 09-10-82	X	
Sáu 6C1	T.Kế T.Công	PTTH		T.Bình	430/TCCB 18.8.84	X	
~~Ba~~ 3C2	~~T.Kế~~ T.Công	~~PTCS~~		~~T.Bình~~	~~412/TCCB~~ 02-10-81	X	

Số.....

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉnh)
1	2	3	4	5
471	009. 278	571/88	Đặng Bá Quang	15 - 03 - 61 Điện Bàn - QN-ĐN
472	009. 279	571/88	Đặng văn Tốt	1966 Châu Thành - Tiền giang
473	009. 280	571/88	Nguyễn Vĩ Đăng	19 - 06 - 65 Châu Thành - Đồng Tháp
474	009. 281	571/88	Mai văn Trường	16 - 09 - 55 Long an
475	~~009. 282~~	~~571/88~~	~~Bùi Kiến Tước~~ Bùi Kiến Tước	1964 TP. Cần Thơ - Hậu giang

Số.....

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
Sáu 6C2	T. Kế T. Công	PTCS		Khá	367/TCCB 14-06-85		
Bảy 7C	T. Kế T. Công	PTCS		T. Bình	349/TCCB 19-07-86		
Năm 5C2	T. Kế T. Công	PTCS		T. Bình	~~367~~/TCCB ~~14-06-85~~ (367/TCCB 14-06-85 ~~[illegible]~~		Nguyễn Vy Hằng
Ba 3C	T. Kế T. Công	PTTH		T. Bình	1123/TCCB 20-10-80		
Sáu 6T	Trắc Địa	PTCS		T. Bình	367/TCCB 14-06-85		

Số.....

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉnh)
1	2	3	4	5
476	009. 283	05/1/88	Nguyễn Huệ Trí	14 - 10 - 1949 TP Cần Thơ. Hậu Giang
477	009. 284	05/1/88	Lê thuế Trâm	18. 03. 63 Nghệ Tĩnh
478	009. 285	05/01/88	Đào xuân Sơn	14 - 10 - 64 Đông Hưng - Thái Bình
479	009. 286	05/01/88	Trần ngọc Loan	10 - 09 - 66 TP. HCM
480	009. 287	05/1/88	Hứa vũ Trường	23 - 09 - 62 TP Nha Trang - Phú Khánh

Số.....

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
Ba 3N1	Thủy Nông	PTTH		Trung Bình	1123/TCCB 20-10-80		
Sáu 6C1	T. Kế T. Công	PTTH		Trung Bình	430/TCCB 18-8-84		
Sáu 6C1	T. Kế T. Công	PTTH		Khá	430/TCCB 18.8.84		
Bảy 7K	Kế toán Thống kê	PTCS		Khá	849/TCCB 19-07-86		
Năm 5C2	T Kế T Công	PTCS		T. Bình	5C 387/TCCB 16-02-84		

Số.....

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉnh)
1	2	3	4	5
481	009. 288	05/1/88	Nguyễn Hữu Hạnh	10 - 12 - 62 Gò công Tây - Tiền giang
482	009. 289	5/1/88	Trần ngọc Khôi	11 - 08 - 65 Chợ gạo - Tiền giang
483	009 290	5/1/88	Nguyễn Tuấn Trí	28 - 12 - 63 Thanh Hưng - Đồng Tháp
484	009. 291	25/4/88	Nguyễn Hoàng Nhân	12 - 07 - 65 TP. Mỹ Tho - Tiền Giang
485	009292	5/1/88	Trịnh minh Quốc	1964, Minh Hải
486	009293	5/1/88	Nguyễn quốc Bửu	1964, Minh Hải

Số .....

Khóa	Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
6	7	8	9	10	11	12	13
Năm 5C2	T. Kế T. công	PTCS		T. Bình	56 ~~367~~/TCCB ~~14-06-85~~ 16-02-84		
Bảy 7K	Kế toán	PTCS		T. Bình	349/TCCB 19-07-86		
Sáu 6C2	T. Kế T. công	PTCS		T Bình	367/TCCB 14-06-85		
Tám 8N1	Thủy Nông	PTTH		Khá	377/TCCB 11-8-86		
6C2	Thiết kế thi công	PTCS		Khá	367 QĐ/TCCB 14.6.85		Đào Xuân Doãn TCK2
6C2	Thiết kế thi công	PTCS		T Bình	367 QĐ/TCCB 14.6.85		Đào. X. Doãn TCK2

Số .....

Số thứ tự đăng ký	Số của bằng	Ngày cấp bằng	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Ngày và nơi sinh (ghi ngày, tháng, năm sinh và tỉnh)
1	2	3	4	5
487	009294	5/1/88	Phan hữu Chuyên	Cần Đước - Long An 9-12-63
488	009295	5/1/88	Lương thị Nường	Hà Nam Ninh
489	009299	5/1/88	Nguyễn thường Vụ	Hà Nam Ninh
490	009296	5/1/88	Đào Khắc Thuận	Hà Bắc 18-11-62
491	009297	13/7/88	Huỳnh văn Cam	19-05-1962 Vĩnh Chí - Minh Hải
492	009.298	14/7/88	Đoàn văn cử	24-07-1963 Kim Sơn - Hà nam Ninh
~~493~~	~~009 300~~	~~15/7/88~~	~~Đoàn thị Huyền~~	~~15-06-1966 Kim Sơn - Hà nam Ninh~~
			Hư bằng (có biên bản hư)	

Số.....

Ngành	Hệ	Ngày thi tốt nghiệp	Hạng tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp	Chữ ký của người nhận bằng	GHI CHÚ
7	8	9	10	11	12	13
TKTC	P.T.TH		Trung Bình	430/QĐTCCB		
TKTC	PTCS		Trung bình	56 QĐ/TCCB		
TKTC	PTTH		Trung bình	318 QĐ/TCCB		
TKTC	P.T.TH		Giỏi	430 QĐ/TCCB	(ĐVSH)	THTLS.
TKTC	PTCS		Trung Bình	672/TCCB 09-10-82		
TKTC	PTTH		Trung Bình	3187 TCCB 01-07-83		
~~Kế toán~~ Thống kê	PTCS		Trung Bình	349/TCCB 19-07-86		